TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 252/2019/HNGĐ-ST
Ngày 01 tháng 11 năm 2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Ông Huỳnh Hoàng Khởi;
2.Ông Võ Thanh Liêm.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thu Vân – Là thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2019, Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 732/ 2019/ HNGĐ-ST ngày 26 tháng 8 năm 2019 về việc yêu cầu "xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 792/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Lâm Mến E, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn:* Chị Trương Ngọc B, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Lâm Mến E trình bày tại đơn khởi kiện, và được bổ sung tại phiên tòa nội dung như sau:

Về hôn nhân: Vào năm 2006 anh và chị Trương Ngọc B chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau. Trong quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh chị đã ly thân 06 tháng nay. Mặc dù, đã được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Xét thấy, cuộc sống hôn nhân không thể duy trì được với nhau nên anh yêu cầu được ly hôn với chị B.

Về con chung: Anh và chị B có 01 con chung, tên Lâm Trương Phương N (nữ) sinh ngày 17/4/2007. Hiện con đang sống cùng anh. Tại đơn khởi kiện anh yêu cầu giao con cho chị B nuôi đưỡng, nhưng tại phiên tòa anh yêu cầu được nuôi con, anh không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh khai vợ chồng không có nợ chung và cũng không ai nợ lại.

Đối với chị Trương Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử nhưng chị B vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp giữa anh Lâm Mến E và chị Trương Ngọc B được xác định là tranh chấp về việc xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Chị Trương Ngọc B đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng chị B vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị B theo quy định các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh E và chị B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2006, anh chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố M, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại đơn khởi kiện và tại phiên tòa anh E cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa anh và chị B thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, giữa vợ chồng không có tiếng nói chung, mâu thuẫn kéo dài trong nhiều năm, có thời gian từ năm 2010 đến năm 2012 chị B bỏ nhà đi không liên lạc đến gia đình. Sau đó chị B quay về nhà vợ chồng đã hàn gắn để chung sống nhưng vẫn phát sinh mâu thuẫn. Anh chị đã ly thân không ai quan tâm chăm sóc cho ai. Nên hiện anh E xác định không còn tình cảm và không thể tiếp tục cuộc sống chung với chị B. Trong khi đối với chị B trong suốt thời gian anh E yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì chị B cũng không đến Tòa án để hòa giải cũng như không gửi ý kiến của mình đến Tòa án, điều đó chứng tỏ chị B cũng không có ý thức hàn gắn. Cho nên, Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh E và chị B thực tế mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân tiếp tục kéo dài cũng không hạnh phúc nên yêu cầu của anh E về việc xin ly hôn với chị B được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh E và chị B có 01 con chung, tên Lâm Trương Phương N, sinh ngày 17/4/2007, hiện cháu đang sống cùng anh E. Nay khi ly hôn anh E yêu cầu nuôi cháu Nhã. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu này của anh E phù hợp với ý kiến nguyện vọng của cháu N thể hiện tại biên bản ghi ý kiến ngày 18/9/2019. Hơn nữa chị B không có mặt tại phiên tòa và đồng thời không có văn bản thể hiện ý kiến về việc con chung. Cho nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh E giao con chung cho anh E tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, do anh E không đặt ra yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Anh E khai vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Anh E khai vợ chồng không có nợ ai, và không ai nợ lại, nên không xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình anh Lâm Mến E phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 207, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 80, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lâm Mến E.

Về hôn nhân: Anh Lâm Mến E được ly hôn với chị Trương Ngọc B.

Về con chung: Giao 01 con chung tên Lâm Trương Phương N, sinh ngày 17/4/2007, hiện cháu đang sống cùng anh E cho anh E tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Chị B có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Anh E khai không có, không xem xét.

Về nợ chung: Anh E khai không có, không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình: Anh Lâm Mến E phải nộp số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), vào ngày 26/8/2019, anh E đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số 0000657 được chuyển thu.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh E được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Kim Cương

Nơi nhận:
- *TAND Tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND Tp. Cà Mau;*
- *UBND xã T; Tp M, tỉnh Cà Mau;*
- *Đương sự;*
- *Lưu Hồ sơ,*
- *Lưu Toà án Tp Cà Mau*